



*MỘT NGƯỜI TUỔI TRẺ
KHÔNG NHƯ NHỮNG
NGƯỜI KHÁC*

LÊ HUY OANH

Một người tuổi trẻ không như những người khác

Lê Huy Danh

một người tuổi trẻ không như nhưng người khác

Lê Huy Oanh

Bìa: ***M.C.P***

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

**một người tuổi trẻ
không như những
người khác**

LÊ HUY OANH

**Tuần báo KHỎI HÀNH
số 38 ngày 15-1-1970**

Đó là một cậu trai mới lớn, rất hồn hào rất bướng bỉnh nhưng lại có một khuôn mặt thiên thần, trên đó, một vầng trán thông minh, một đôi mắt mơ ảo, một khoe miệng khinh thế ngạo vật. Mái tóc rậm, bù xù, dựng lên trong gió. Cậu ta bỏ học đường, đi lang thang áo quần nhàu nát. Có những đêm ngủ trên ghế đá công viên. Cũng có khi ngủ ở ven rừng. Nằm ngắm những đám tình vân mù mịt trên trời, mỗi mắt rồi ngủ, khi tỉnh dậy thì mặt trời lên cao.

Rừng xanh hoang vắng rì rào trong ánh nắng. Chim hót véo von. Cậu vẫn nằm trong đám cỏ còn ướt sương, nhìn những miếng trời xanh thấp thoáng trong đám lá. Trỗi dậy, có lẽ chẳng thêm nhặt những mũi cỏ may trên quần áo, cậu ra suối vục nước xoa lên mặt rồi lại đi. Đi đâu ? Quán trọ là đám Đại hùng tinh, cậu Tí hon mơ mộng ấy vừa đi vừa rắc những vần thơ thay vì rắc những viên đá cuội.

Cậu vừa đi vừa mơ mộng tới những tình yêu huy hoàng rực rỡ. Rồi ngày tàn, mặt trời đã chìm xuống phương Đoài. Cậu lại ngồi xuống lề đường, lắng tai nghe những tiếng động của buổi tối. Những giọt sương đọng trên trán cậu khiến cậu ngất ngây choáng váng như vừa uống rượu. Cậu ôm bàn chân lên ngực, bật những sợi dây giày như bật một

cây huyền cầm đánh nhịp cho những vần thơ đang này sinh từ tâm tưởng cậu, Có những lúc cậu tưởng mình là một con tàu say, một con tàu lão đảo trôi trên những mặt sông thần nhiên, hai bên bờ đang có những toán người da đỏ vác khí giới đuổi theo hò hét.

Con tàu rời cửa sông, ra khơi, trôi vô định trong các đại dương. Những hoàng hôn mơ ảo, những bình minh rực rỡ. Sóng xà cừ, nước rượu mạnh. Những núi tuyết kỳ ảo. Những vầng mặt trời lóe ánh bạc hoặc điểm những vết kinh hoàng huyền bí. Những bầu trời lò lửa ban ngày. Những đêm xanh rờn lẫn với tuyết trắng thấp thoáng ánh lân tinh. Rồi những cơn dông tố, sấm, chớp, những cột nước, những làn sóng giận dữ. Con tàu lắc lư, loạng choạng, lạc hướng giữa cảnh cô tịch. Con tàu say.

Khi người ta mười bảy tuổi, làm sao người ta có thể đứng đắn được. Cậu bé tự nhủ như thế. Và trong bước lang thang, cậu hút xì gà, cậu uống bia bốc, cậu ngắm gái đẹp và thèm ngủ với họ. Cậu có một người bạn rất thân, hơn cậu mười tuổi. Người bạn đó là một bợm rượu, có bao nhiêu tiền cúng cho các tiệm rượu cả. Người đó cũng là một thi sĩ, thi sĩ cỡ lớn, rất lớn, đã từng được người đương thời tôn là Prince des poètes.

Người bạn đó có một cô vợ xinh đẹp, trẻ trung, hiền dịu mà ông ta đã có những thời kỳ mê say lắm lắm. Khi ông gặp chàng trẻ tuổi nọ, ông kết bạn với cậu ta, rồi ông bỏ nhà cửa, bỏ vợ con, cùng với cậu ta đi giang hồ vất. Nói là vất, nhưng thường khi đi cũng xa lắm. Sang Anh, sang Bỉ. Gã lớn mê gã nhỏ có lẽ còn hơn là mê vợ. Người ta đồn

hai gã thực hành cái trò đồng tình ái gì gì đó. Có sao đâu, ngủ mãi với đàn bà chán quá rồi. Ông lớn tuổi đưa ông nhỏ tuổi vào các quán rượu. Và ông nhỏ tuổi cũng học uống rượu mạnh. Uống rồi say, say rồi gây gổ, đập lộn với những người khác: Chửi bới, văng tục thả dạn; đôi khi vác chai vác ly liệng loạn xạ. Không hiếm những khi dao được rút ra. Có cái may là họ hung hăng càn rỡ như vậy mà chưa giết ai. Họ mới chỉ là những du đảng thuộc loại hiền.

Nhưng mà là du đảng thú thiệt chứ không làm dáng. Đập lộn với thiên hạ chán rồi họ quay ra đánh lẫn nhau. Đánh nhau hăng lắm. Yêu nhau lắm tất phải cắn nhau đau. Hai người bạn xô xát kịch liệt, nguyên rửa nhau thậm tệ, tặng nhau những đòn thẳng cánh. Đánh nhau chán chân chán tay rồi họ ngồi nghỉ, để mà thở.

Họ giận nhau như kiêu không muốn đội trời chung. Nhưng họ làm lành với nhau rất mau. Lại đi kè kè với nhau, thương mến nhau, đêm đêm lại ôm nhau ngủ. Thương yêu nhau chán rồi lại thấy cần phải độc ác với nhau. Họ lại đánh nhau dữ dội và có một lần gã lớn tuổi có lẽ vì đang say rượu, rút phăng ngay khẩu súng lục trong túi ra bắn gã trẻ tuổi hai phát khiến y bị thương. Nhà chức trách can thiệp, gã lớn tuổi bị kết án hai năm tù và bị giam trong một ngục thất ở Mons. Nằm trong nhà giam, ông ta buồn đau hối hận. Vợ ông, khuyên can ông mãi không được, chán ông quá lên đòi ly dị ông. Và người bạn trẻ của ông tất nhiên đã xa ông. Nằm trong nhà giam, ông ta nhớ vợ thương bạn, nhớ ghê lắm, thương ghê lắm đến độ phải cầu mong sự yên ủi của Thượng đế.

Không còn bạn nữa, nhưng gã trẻ tuổi vẫn ra lối sống giang hồ phiêu bạt. Cậu ta dần dần lớn hơn lên dĩ nhiên. Cậu đã lớn hơn lên, vậy từ bây giờ chúng ta gọi cậu là chàng cho tiện. Chàng ta chết yếu, hưởng dương được có ba mươi bảy tuổi, nhưng suốt từ năm mười sáu tuổi cho đến năm già biệt cõi đời, chàng sống cuộc đời lang bạt kỳ hồ. Sau khi bạn chàng vào nằm trong tù rồi, chàng không đi giang hồ vật nữa, nhưng đi giang hồ dữ dằn hơn, làm những chuyến đi xa, sang Áo, sang Đức, sang Hòa Lan, rồi Thụy Điển, Đan Mạch, rồi nhiều thị trấn ở Trung đông, và tới cả đảo Chypre. Qua rất nhiều sa mạc, rừng rậm, núi cao. Để kiếm miếng ăn, chàng đã làm đủ nghề, cao quý cũng có, hèn mạt cũng có, lương thiện cũng có mà bất lương cũng có. Chàng đã từng dạy học, rồi làm phu khuân vác ở bến tàu, thợ mỏ, đăng lính

đánh mướn, và còn làm lái buôn nữa chứ, buôn đủ thứ: ngà voi, cà phê, xạ hương, tơ lụa, vàng và cả súng nữa.

Phần lớn là buôn lậu, nên thường phải bôn ba đây đó, không hiếm những lúc gặp cảnh gian nan nguy hiểm, có thể mất mạng như chơi. Nguy hiểm những đây thú vị, hẳn thế. Khuôn mặt trắng trẻo của chàng trai mảnh khảnh ấy dần dần sạm lại vì phong sương. Râu ria mọc dài, và tóc vẫn bù xù, vẫn tung bay trong gió. Người ta thường gặp chàng cưỡi ngựa đi trong sa mạc hoặc trong những cánh rừng, lưng dắt đầy vàng. Mưa và nắng. Xuân Hạ rồi Thu Đông, chàng ta sống cuộc đời phiêu bạt, đi, đi, đi hoài đi cho đến lúc hai đầu gối sưng lên, sưng và đau đến tới độ không đi được nữa, anh chàng phải trở về Pháp, vào nằm trong

một nhà thương tồi tàn ở Marseille và chết ở đó.

Chàng trẻ tuổi ấy đâu phải người xa lạ với chúng ta: đó là một *nhà thơ Pháp Arthur Rimbaud*. Còn người bạn thân nhất của chàng, kẻ đã tặng cho hai viên kẹo đồng khiến chàng suýt vong mạng, cũng chẳng phải ai xa lạ. Các bạn đã biết là ai rồi. *Paul Verlaine*, phải không ?

Tên tuổi của Rimbaud đã lấy lòng từ gần một thế kỷ nay. Các người đương thời với chàng cũng như hậu thế, mỗi khi nói tới chàng đều phải nể vì kính mến. Trong văn giới quốc tế, khuôn mặt Rimbaud rực rỡ quá, sáng láng quá. Hầu như tất cả mọi người yêu văn chương, làm văn chương, kể cả những tay cự phách nhất, hách dịch nhất, hỗn hào nhất, cũng đều phải kính nể Rimbaud.

Còn ai hách hơn cái ông Valéry, kẻ đã đưa triết học vào thơ, kẻ chủ trương tạo cho thơ một bản chất trí thức thuần túy, ấy thế mà đã phải tự nhận là môn đệ của Rimbaud và đã tuyên bố đại khái là suốt mấy chục năm nay chúng ta xơi toàn chất Rimbaud. Còn ai hỗn xược bằng mấy ông thi sĩ siêu thực, những kẻ chuyên phá phách thật lực, chửi bới hết “ga”, không còn biết coi ai ra gì cả, ấy thế mà vẫn phải coi Rimbaud là bậc tiên khu (précurseur) của phong trào siêu thực. Cả đến cái ông văn hào Mỹ Henry Miller, oai danh sừng sững như trái núi cũng đã ca tụng Rimbaud không hết lời. Ảnh hưởng của Rimbaud đã bao trùm một phần tư thế kỷ trước và suốt cả thế kỷ này.

Thiên hạ kính nể Rimbaud đến như vậy phải chăng vì chàng là một thứ du

đăng biết cưỡi ngựa, biết bắn súng, thích buôn lậu và mới tí tuổi đầu đã nốc rượu mạnh, hút xì gà và đập lộn như cơm bữa; phải chăng vì chàng ưa sống lang thang phiêu bạt và chịu làm tình theo cái lối trái hẳn luật âm dương với người bạn mà chàng ngưỡng mộ và yêu mến mặc dầu thường đập lộn thẳng cánh với bạn; phải chăng vì chàng có dáng dấp thanh tao gọn gàng, có khuôn mặt dễ thương, có đôi mắt mộng, có mớ tóc rối bù dựng lên trước gió ?

Có lẽ đúng. Cái kiểu sống thác loạn, trật đường rầy ấy nếu là của một thường nhân thì có lẽ không ai thèm để ý, nhưng của một nghệ sĩ tài danh như chàng thì hình như nó có vẻ quá đẹp. Cái lối sống thác loạn bừa bãi của Rimbaud ngấm ra ta thấy nó có rất nhiều nhân tính, nói nôm na là rất người, mà đã rất người thì

cũng rất thật. Rimbaud, cũng như bạn chàng đã sống tự nhiên, đã hết sức thành thực với lòng họ, nhất là những khi họ yếu đuối để cho đam mê chế ngự.

Nhưng đó mới chỉ là nguyên do phụ. Cái nguyên do chính khiến người ta kính trọng Rimbaud là thi tài của chàng, một thi tài được rèn đúc trong một khối óc sáng suốt của nhà thơ muốn tạo cho nghệ thuật những giá trị mới. Do đấy, chàng đã cố gắng tìm những lãnh vực hoạt động mới cho thơ. Con người ấy; vốn phiêu lưu lang bạt ở ngoại giới, đã mở những cuộc mạo hiểm trong nội giới, đi vào thăm những vùng tối tăm u ám của tâm hồn. Chàng ta cho rằng từ trước tới nay, nghệ thuật mới chỉ nói ra những hiện tượng bề ngoài của cuộc sống vì thế nghệ thuật đó có vẻ hơi hợt,

phiến diện không phát biểu đúng cái bản thể của cuộc đời.

Vì vậy chàng chủ trương đi sâu vào địa hạt chưa từng ai tới được trong tâm linh. Đối với chàng, nhà thơ cần phải là một kẻ thấu thị (un voyant) có khả năng nhìn bao quát tất cả tâm hồn con người; tâm hồn ấy không chỉ là phần ý thức mà thôi, nó còn bao gồm cả phần vô thức và tiềm thức hoặc có thể có thêm những lãnh vực nào khác nữa mà người ta chưa đặt tên được vì chưa tri thức được hoặc tri thức chưa đúng.

Nghệ sĩ phải cố gắng phát biểu những cái mà từ trước người ta coi như không thể phát biểu được, phải biết tới những cái vốn được quan niệm là bất khả tri; phải nghe thấy không những những “tiếng động” trong tâm hồn mà

cả những “im lặng” của tâm hồn. Để có thể trở thành một kẻ thấu thị, nghệ sĩ phải lợi dụng những ảo giác của mình, bắt những giác quan phải đi chệch ra ngoài những lối mòn, xét lại hệ thống lý luận cố hữu của mình.

Và để có thể phát biểu được những cảm giác mới, những tri thức mới, những khám phá mới, những quan điểm mới nhà nghệ sĩ cần phải có một ngôn ngữ mới, chứ không thể dùng một ngôn ngữ cổ truyền. Muốn có ngôn ngữ mới đó, trước hết phải thẩm định lại giá trị và khả năng của mỗi tiếng và nếu cần, phải tôi luyện cho mỗi tiếng ấy để chúng có một giá trị siêu đẳng. Từ trước, người ta coi chữ A chỉ có giá trị là một nguyên âm nằm ở hàng đầu các chữ cái, hoặc đôi khi có ý nghĩa là một lời hô thán mà thôi. Nhưng Rimbaud đã thấy thêm màu đen

của chữ A, chữ ấy mang hình ảnh “chiếc yếm nhung màu đen của lũ ruồi rục rở đang bay lượn vè vè chung quanh những mùi hôi thối hung dữ” và cũng là những “vịnh bóng tối”.

Vẫn trong óc Rimbaud, mỗi chữ nguyên âm khác đều có màu sắc riêng của chúng và những hình ảnh riêng, liên hệ đến mỗi màu sắc đó. “A đen, E trắng, I đỏ, U xanh lá cây, O xanh dương”. I chẳng hạn, vì có màu đỏ nên mang hình ảnh “máu bị khắc ra hoặc có âm thanh của tiếng cười từ những cặp môi đẹp trong cơn thịnh nộ hoặc những cơn say đầy vẻ sấm hối”.

Vì những ký hiệu hoặc những tiếng trong ngôn ngữ có những giá trị mới như thế, nên ngôn ngữ ấy cũng không thể được lồng vào những khuôn thước hành văn cũ, cho nên vẫn theo ý Rimbaud -

nghệ sĩ cần tạo ra những văn phạm mới hoặc bổ túc những chỗ thiếu sót của văn phạm cũ,

Chủ trương và đường lối sáng tạo của Rimbaud đã mở đầu cho một cuộc cách mạng vĩ đại trong lãnh vực văn chương tư tưởng và đã được hậu thế nhiệt liệt hoan nghênh. Cuộc cách mạng này đã khiến cho nền nghệ thuật của nhân loại trở thành phong phú hơn rất nhiều.

Rimbaud bắt đầu làm thơ từ năm chàng mười sáu tuổi và chỉ làm thơ trong vòng bốn năm rồi tuyệt tình với thơ bởi chàng cho rằng dầu chàng có cố gắng đến mấy, ngôn ngữ của loài người vẫn không thể nào diễn tả được tất cả những gì chàng muốn nói lên.

Vì thế những tác phẩm của chàng rất ít, chỉ gồm hai cuốn thơ mỏng mảnh

nhân đề Les Illuminations và Une Saison en Enfer và một số những bài thơ rải rác khác được thu góp thành một thi tập cũng rất mỏng mảnh nhân đề Poésies.

Nhưng, mặc dầu chỉ ít thế thôi, nhưng tác phẩm của chàng đã tỏa ra một ảnh hưởng cực kỳ mãnh liệt và rất lâu bền, và ảnh hưởng đó đã tạo nên biết bao nhiêu tác phẩm tuyệt tác của nhân loại. Cho đến ngày nay, người-trẻ-tuổi-không-như-những-người khác đó vẫn còn được coi như một ngọn hải đăng soi đường cho hướng đi của nghệ thuật.

*KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học
nghệ thuật ra ngày thứ năm số 38, ngày
15-01-1970.*

Jean Nicolas Arthur Rimbaud (20 tháng 10 năm 1854 – 10 tháng 11 năm 1891) – nhà thơ Pháp, một trong những người sáng lập trường phái thơ tượng trưng (Symbolisme), là nhà thơ có ảnh hưởng lớn tới văn học và nghệ thuật hiện đại.



Arthur Rimbaud sinh ở Charleville (nay là Charleville-Mézières), miền đông bắc nước Pháp. Bố là Frédéric Rimbaud, một sĩ quan phục vụ ở Algérie, mẹ là Vitalie Cuif, xuất thân từ một gia đình nông dân. Bố mẹ chia tay nhau khi Arthur Rimbaud mới 4 tuổi nên sự giáo dục chủ yếu là từ mẹ. Thời kỳ học ở trường tiểu học đã nổi tiếng học giỏi tiếng Hy Lạp, tiếng Latin và các môn: lịch sử, địa lý. Năm 1865 vào học trường Colege Charleville là một trong những học sinh xuất sắc nhất của trường. Năm 1869 lần đầu tiên in ba bài thơ viết bằng tiếng Latin Xuân đã về (Ver erat), Thiên thần và đứa bé (L'Ange et l'enfant), Jugurtha (Jugurtha). Bài thơ Jugurtha được tặng giải nhất trong một cuộc thi thơ. Năm 1870, lên 16

tuổi Rimbaud in những bài thơ đầu tiên bằng tiếng Pháp, sau đó đi du lịch lên miền bắc nước Pháp và Bỉ. Ở Paris, Arthur Rimbaud làm quen và trở thành người yêu của Paul Verlaine, làm xôn xao dư luận Paris. Rimbaud tham gia Công xã Paris. Năm 1872, Verlaine bỏ gia đình cùng Rimbaud đi sang London. Khi trở về Bỉ, hai người cãi nhau, Verlaine dùng súng lục bắn Rimbaud bị thương phải vào tù 2 năm, còn Rimbaud trở về quê Charleville.

Kể từ đây cuộc đời của Rimbaud sang một trang mới, ông bỏ làm thơ hẳn và đi chu du hầu như khắp thế giới. Năm 1875 sang Đức, hết tiền phải đi bộ sang Milan (Ý), sau đó ốm nặng phải quay về Pháp. Năm 1876 sang Áo, bị trục xuất, ông quay sang Hà Lan tham gia đội quân lê dương đi sang Indonesia. Ba tuần

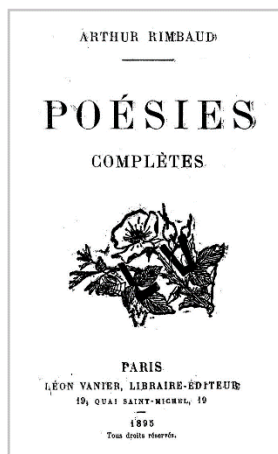
sau theo tàu chiến Anh trở về quê, sau đó sang Đức, Đan Mạch, Thụy Sĩ... Từ năm 1880 ông sang các nước châu Phi (Ai Cập, Ethiopia, Yemen) buôn súng, buôn cà phê và da thú. Tháng 2 năm 1891 bị bệnh ung thư phải quay trở về Pháp, đến tháng 10 ông qua đời ở Marseille vào tuổi 37.

Mặc dù sống một cuộc đời ngắn ngủi (thời gian sáng tác lại càng ngắn) nhưng Arthur Rimbaud đã đánh dấu một mốc mới trong sự phát triển của thơ ca Pháp. Ông là người có công trong việc làm giàu ngôn ngữ, hình tượng cũng như thể loại thơ ca...

Nửa cuối thế kỷ XX, Arthur Rimbaud trở thành một hiện tượng văn hóa đại chúng. Hình tượng Rimbaud được thể hiện qua rất nhiều bộ phim nổi tiếng thế giới

Tác phẩm:

1. Poésies (Thơ)
2. Le bateau ivre (Con tàu say, 1871)
3. Une Saison en Enfer (Một mùa ở địa ngục, 1873)
4. Illuminations (Cảm giác, 1874)
tập thơ nổi tiếng nhất
5. Lettres (Thư từ)



Sensation

Par les soirs bleus d'été, j'irai dans les sentiers,
Picoté par les blés, fouler l'herbe menue:
Rêveur, j'en sentirai la fraîcheur à mes pieds.
Je laisserai le vent baigner ma tête nue.
Je ne parlerai pas, je ne penserai rien:
Mais l'amour infini me montera dans l'âme,
Et j'irai loin, bien loin, comme un bohémien,
Par la Nature, heureux comme avec une femme.

Cảm giác

Buổi chiều xanh, trên những con đường nhỏ
Rảo bước chân trên hoa cỏ nhẹ nhàng
Mơ ước trong đầu, trên tóc ngọn gió
Tôi nhận ra hơi mát dưới bàn chân.

Không nghĩ suy, không lời trên môi
lặng
Nhưng con tim yêu hết thảy trên đời
Và ngọt ngào trong hoàng hôn thơ thần
Thiên nhiên tựa hồ như người đẹp cùng
tôi.

Ophélie

I

Sur l'onde calme et noire où dorment les
étoiles
La blanche Ophélia flotte comme un
grand lys,
Flotte très lentement, couchée en ses
longs voiles...
- On entend dans les bois lointains des
hallalis.
Voici plus de mille ans que la triste
Ophélie
Passe, fantôme blanc, sur le long fleuve
noir,

Voici plus de mille ans que sa douce
folie
Murmure sa romance à la brise du soir.
Le vent baise ses seins et déploie en
corolle
Ses grands voiles bercés mollement par
les eaux;
Les saules frissonnants pleurent sur son
épaule,
Sur son grand front rêveur s'inclinent
les roseaux.
Les nénuphars froissés soupirent autour
d'elle;
Elle éveille parfois, dans un aune qui
dort,
Quelque nid, d'où s'échappe un petit
frisson d'aile
- Un chant mystérieux tombe des astres
d'or.

II

O pâle Ophélia! belle comme la neige!

Oui tu mourus, enfant, par un fleuve
emporté!
- C'est que les vents tombant des grands
monts de Norwège
T'avaient parlé tout bas de l'âpre liberté;
C'est qu'un souffle, tordant ta grande
chevelure,
A ton esprit rêveur portait d'étranges
bruits;
Que ton coeur écoutait le chant de la
Nature
Dans les plaintes de l'arbre et les soupirs
des nuits;
C'est que la voix des mers folles, im-
mense râle,
Brisait ton sein d'enfant, trop humain et
trop doux;
C'est qu'un matin d'avril, un beau cava-
lier pâle,
Un pauvre fou, s'assit muet à tes genoux!
Ciel! Amour! Liberté! Quel rêve, ô pau-

vre Folle!

Tu te fondais à lui comme une neige au feu:

Tes grandes visions étranglaient ta parole

- Et l'Infini terrible effara ton oeil bleu!

III

- Et le Poète dit qu'aux rayons des étoiles
Tu viens chercher, la nuit, les fleurs que
tu cueillis;

Et qu'il a vu sur l'eau, couchée en ses
longs voiles,

La blanche Ophélia flotter, comme un
grand lys.

Ophélie

I

Trên mặt nước ngôi sao ngủ mơ màng
Ophelie bỗng bênh như huệ trắng
Quần khăn dài nàng vẫn trôi chậm
chậm

Giữa tiếng tù và của những thợ săn.
Như bóng ma màu trắng đã nghìn năm
Trên dòng sông đen, Ophelie nàng hồi
Tù nghìn năm tiếng hát đã lặng ngừng
Vẻ điên dại đã bao trùm đêm tối.
Cơn gió nhẹ hôn ngực nàng lặng lẽ
Nước thì thâm, như mở những cánh
hoa
Những cây liễu khóc thầm trong buồn
bã
Sậy cúi mình trên vầng trán ước mơ.
Hoa loa kèn thở dài trên mặt nước
Tổ chim đang rung nhẹ trên cành cây
Đến gặp nàng chim vỗ nhẹ cánh bay
Ngôi sao vàng gửi về bao câu hát.

II

Ophelie đẹp tuyệt vời như tuyết
Đã chết đời tuổi trẻ giữa dòng sông
Tù núi đồi Na Uy trận cuồng phong
Ca lời tự do cho nàng siêu thoát.
Cơn gió thổi làm rung làn tóc rối

Trong cơn mơ nghe những tiếng lạ lòng
 Con tim nàng nghe giọng của Thiên
 nhiên

Trong lời than của đêm và cây cối.
 Lời của biển cũng vang lên sau đấy
 Vỡ tan rồi tim trẻ đại thơ ngây
 Sáng tháng Tư chàng kỵ sĩ đẹp trai
 Ngồi im lặng bên nàng như ngây dại.
 Tình yêu! Tự do! Những giấc mộng
 điên cuồng

Trước lửa bỏng em tan ra như tuyết
 Những cái nhìn lạ lòng kia đã giết
 Đôi mắt xanh đã khép lại muôn năm.

III

Thi sĩ nói sao trên trời đã run
 Khi nàng ngắt bông hoa trên bờ vắng
 Chàng đã thấy Ophelie bông bênh
 Trên mặt nước im lìm như huệ trắng.

Voyelles

A noir, E blanc, I rouge, U vert, O bleu:
voyelles,

Je dirai quelque jour vos naissances la-
tentes:

A, noir corset velu des mouches écla-
tantes

Qui bombinent autour des puanteurs
cruelles,

Golfes d'ombre; E, candeurs des vapeurs
et des tentes,

Lances des glaciers fiers, rois blancs,
frissons d'ombelles;

I, pourpres, sang craché, rire des lèvres
belles

Dans la colère ou les ivresses pénitentes;

U, cycles, vibrations divins des mers
virides,

Paix des pâtis semés d'animaux, paix des
rides

Que l'alchimie imprime aux grands

fronts studieux;
 O, suprême Clairon plein des strideurs
 étranges,
 Silences traversés des Mondes et des
 Anges;
 - O l'Oméga, rayon violet de Ses Yeux !

Những nguyên âm

A – đen, E – trắng, I – đỏ, O – xanh
 U – da trời. Nguồn gốc những nguyên
 âm
 Tôi sẽ mở... A – như bầy ruồi bắn thủ
 Trên đồng mùi khó chịu, chúng bay
 quanh.
 E – là màu trắng của những tảng băng
 Của lều trại, của mây trắng trên đồng
 I – là màu hồng của nụ cười xinh đẹp
 Khi máu sôi trong cơn giận kinh hoàng.
 U – là chu kỳ của con sóng màu xanh.
 Thú trên đồng cỏ, nếp nhăn yên bình
 Thuật giả kim in dấu trên trán rộng.

O – là tiếng kèn cuối vang lên lạ lùng
Cả thế giới, thiên thần trong im lặng
Omega, tia tím của mắt Nàng.

Le pauvre songe

Peut-être un Soir m'attend
Où je boirai tranquille
En quelque vieille Ville,
Et mourrai plus content:
Puisque je suis patient !
Si mon mal se résigne
Si j'ai jamais quelque or,
Choisirai-je le Nord
Ou le Pays des Vignes ?...
- Ah ! songer est indigne
Puisque c'est pure perte !
Et si je redeviens
Le voyageur ancien,
Jamais l'auberge verte
Ne peut bien m'être ouverte.

Giấc mơ nghèo

Có lẽ đang chờ ta
Thành phố già đầu đó
Để đến sáng ta sẽ
Lặng lẽ uống và chờ
Cái chết giờ đầu đó.
Cơn đau đã dịu đi
Tiền vẫn còn chút ít
Đường ngược lên phương Bắc
Hay xuôi về phương Nam
Ôi, giấc mơ què quặt.
Nhân lên những mất mát
Lần nữa ta trở thành
Kẻ phiêu bạt, lang thang
Nhưng người ta đóng chặt
Cửa quán rượu màu xanh.

Bản dịch của Nguyễn Viết Thắng

